

Nhập nội dung TBMT

Thông tin chung			
Số TBMT	20220117204-00	Ngày đăng tải	
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu		
Loại thông báo	Thông báo thực		
Lĩnh vực	Gói xây lắp		
Bên mời thầu	Công ty Thủy điện Đồng Nai		
Chủ đầu tư	Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1; Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789. Đại diện chủ đầu tư (Bên mời thầu): Công ty Thủy điện Đồng Nai, 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 2478888; Fax: 0263.3726899.		
Tên gói thầu	SCL-2022-01: Thi công xử lý tăng khả năng chống thấm mặt thượng lưu đập Đồng Nai 3 dưới mực nước chết 570m (giai đoạn 1)		
Phân loại	Hoạt động chi thường xuyên		
Tên dự toán mua sắm	SXKD (SCL) năm 2022		
Chi tiết nguồn vốn	SXKD (SCL) năm 2022		
Loại hợp đồng	Trọn gói		
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	
Phương thức	Một giai đoạn hai túi hồ sơ		
Thời gian thực hiện hợp đồng	112 Ngày		

Cách thức tham dự thầu	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Thời hạn hiệu lực của E-HSDT	90 Ngày
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Đắk Nông

Mở thầu	
Thời điểm đóng/ mở thầu	15/03/2022 09:00
Địa điểm mở thầu	website: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Dự toán gói thầu	36.675.469.000 VND
Số tiền bằng chữ	Ba mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn

Bảo đảm dự thầu	
Số tiền đảm bảo	1.100.000.000 VND
Số tiền bằng chữ	Một tỷ một trăm triệu đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty Thủy điện Đồng Nai
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: SCL-2022-01: Thi công xử lý tăng khả năng chống thấm mặt thượng lưu đập Đồng Nai 3 dưới mực nước chết 570m (giai đoạn 1) Tên dự toán là: SXKD (SCL) năm 2022 Thời gian thực hiện hợp đồng là: 112 Ngày
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): SXKD (SCL) năm 2022
E-CDNT 5.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: + Bên mời thầu: Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1; Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789. Đại diện chủ đầu tư (Bên mời thầu): Công ty Thủy điện Đồng Nai, 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 2478888; Fax: 0263.3726899. trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau : + Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT + Tư vấn đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán: Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng điện 1, Địa chỉ : Km9+200 - đường Nguyễn Trãi - phường Thanh Xuân Nam - quận Thanh Xuân - thành phố Hà Nội, Điện thoại : 0243.854.1206, Fax: 0243.552 3613; Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán: Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng điện 3. Địa chỉ : Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, phường 07, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Điện thoại : 02822216468, Fax: 02822210408; Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: - Bên mời thầu: Công ty Thủy điện Đồng Nai , địa chỉ: 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng - Chủ đầu tư: Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1; Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789. Đại diện chủ đầu tư (Bên mời thầu): Công ty Thủy điện Đồng Nai, 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 2478888; Fax: 0263.3726899.
E-CDNT 10.1	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: 1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (kể cả thành viên trong liên danh đối với nhà thầu liên danh): + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập; 2. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu 3. Tài liệu chứng minh năng lực nhận sự chủ chốt của Nhà thầu 4. Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi - Bản kê khai và bản chụp được chứng thực các tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu đãi theo Mục 29.2 – Chương I (Giấy chứng nhận thương binh, người khuyết tật do Sợ Lao động Thương binh và Xã hội cấp; Hợp đồng lao động của nhà thầu ký với lao động nữ giới;...) 5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền: - Bản chụp được chứng thực Văn bản ủy quyền và Quyết định bổ nhiệm nếu ủy quyền trực tiếp hoặc ủy quyền theo điều lệ hoặc phân cấp của Công ty phải có bản sao Điều lệ Công ty hoặc Quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn bản phân cấp của Công ty. 6. Giải pháp kỹ thuật, phương án thi công chi tiết.
E-CDNT 17.1	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 1.100.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 21.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt b) Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt c) Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

E-CDNT 23.2	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 28.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10 % giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 33.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
E-CDNT 34	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1; Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789. Đại diện chủ đầu tư (Bên mời thầu): Công ty Thủy điện Đồng Nai, 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 2478888; Fax: 0263.3726899. - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tầng 16, 17, 18 Tòa Nhà Thai Nam Building, số 22 Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789 - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: .
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) Địa chỉ: Tầng 16, 17, 18 Tòa Nhà Thai Nam Building, số 22 Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 7308 9789

Mẫu số 01A

BẢNG CHI TIẾT HẠNG MỤC XÂY LẮP
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
A	Thi công xử lý tăng khả năng chống thấm mặt thượng lưu đập Đồng Nai 3 dưới mực nước chết 570m, giai đoạn 1			
1	Vệ sinh sạch và đục tạo nhám bề mặt bê tông	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	2.509,59	m2
2	Lắp đặt các tấm màng chống thấm Polytop Aseal (hoặc hàng hóa tương đương) dày 3 mm	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	2.509,59	m2
3	Bơm vữa chống thấm VT-XM03 mác 300 (hoặc hàng hóa tương đương) dày trung bình 3 cm để điền đầy khoảng hở giữa màng chống thấm và bề mặt bê tông	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	2.509,59	m2
4	Miết kín và điền đầy các mạch hở giữa các tấm chống thấm bằng vữa CMF (hoặc hàng hóa tương đương)	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	7.528,77	m2
5	Lắp đặt giàn giáo treo phục vụ thi công	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	9	Bộ
6	Lắp dựng sàn thao tác phục vụ thi công dưới nước tại trọng 2 tấn bằng 20 phuy sắt dung tích 200l và thép V, liên kết bằng bu lông (trọn gói)	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	9	bộ
7	Lặn quay phim phục vụ công tác kiểm tra và nghiệm thu	Chương V.Yêu cầu về kỹ thuật	18	giờ

Mẫu số 02

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Thời gian thực hiện công trình	112 Ngày
--------------------------------	----------

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành như sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
-----	---------------------	--------------	-----------------

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nhà thầu kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ năm 2018 đến năm 2020 ⁽³⁾ để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 13A
		Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.					
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 55.000.000.000 ⁽⁴⁾ VND, trong vòng 3 ⁽⁵⁾ năm gần đây. Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13B
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁶⁾ hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 11.000.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 14, 15
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽⁸⁾ theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁹⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽¹⁰⁾ trong vòng 5 ⁽¹¹⁾ năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): Hợp đồng tương tự là hợp đồng: Có tính chất tương tự: hợp đồng thi công về chống thấm dưới nước công trình đập bê tông thủy điện hoặc đập bê tông thủy lợi. Số lượng hợp đồng bằng 1 và hợp đồng có giá trị ≥ 18.400.000.000 VNĐ. Loại công trình: Công trình công nghiệp Cấp công trình: Cấp I	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B

Ghi chú:

(1) Ghi số năm, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(3) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(4) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm:

a) Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm = (Giá gói thầu / thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu xây dựng như: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(5) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu nộp báo cáo tài chính tại tiêu chí 2.1.

(6) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(7) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $t \times$ (Giá gói thầu/thời gian thực hiện hợp đồng (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $30\% \times$ Giá gói thầu

Nguồn lực tài chính được tính bằng tổng các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng (bao gồm cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với gói thầu này) hoặc các nguồn tài chính khác.

Trường hợp trong E-HSĐT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 nhưng không phải kê khai thông tin theo Mẫu số 15 Chương này. Trường hợp có sai khác thông tin trong biểu kê khai và cam kết tín dụng kèm theo thì bản cam kết tín dụng đính kèm trong E-HSĐT sẽ là cơ sở để đánh giá.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về nguồn lực tài chính được áp dụng cho cả liên danh. Nếu một thành viên liên danh thực hiện cung cấp nguồn lực tài chính cho một hoặc tất cả thành viên trong liên danh thì trong thỏa thuận liên danh cần nêu rõ trách nhiệm của thành viên liên danh đó.

(8) Hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện toàn bộ, trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu;

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét;

(hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, quy mô mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét thì được đánh giá là một hợp đồng xây lắp tương tự).

- Trường hợp trong E-HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50%-70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(9) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(10) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(11) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm.

Mẫu số 04A

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Trình độ chuyên môn (Trình độ tối thiểu, Chứng chỉ hành nghề...)	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu _ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu _ năm)
1	Chỉ huy trưởng công trình	1	Đại học trở lên chuyên ngành xây dựng/vật liệu/Công trình thủy có chứng nhận bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình, chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Đã từng làm Chỉ huy trưởng ít nhất 01 công trình chống thấm bê tông đập, khe nhiệt dưới nước đập bê tông thủy điện hoặc thủy lợi	5	3
2	Giám sát thi công	2	Đại học trở lên chuyên ngành xây dựng/vật liệu/ công trình thủy có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát công trình, chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Đã từng làm giám sát ít nhất 01 công trình chống thấm bê tông đập, khe nhiệt dưới nước đập bê tông thủy điện hoặc thủy lợi.	4	2
3	Đội trưởng đội thi công	2	Cao đẳng trở lên chuyên ngành xây dựng/vật liệu/ công trình thủy, có chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Đã từng làm Đội trưởng ít nhất 01 công trình chống thấm bê tông đập, khe nhiệt dưới nước đập bê tông thủy điện hoặc thủy lợi	4	2

4	Công nhân lặn	10	Có chứng chỉ hoặc tương đương chứng nhận đã được đào tạo nghề lặn có chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Đã từng tham gia thi công ít nhất 01 công trình chống thấm bê tông đập, khe nhiệt dưới nước đập bê tông thủy điện hoặc thủy lợi	2	2
---	---------------	----	---	---	---

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B và 11C Chương IV.

Ghi chú: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công, giám sát kỹ thuật, chất lượng... và số năm kinh nghiệm tối thiểu của nhân sự chủ chốt đó cho phù hợp.

Mẫu số 04B**THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị	Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy bơm vữa 6m ³ /h	Bơm vữa, hiện trạng sử dụng tốt	2
2	Máy hàn điện 23kw	Hàn các kết cấu, hiện trạng sử dụng tốt	2
3	Máy đục bê tông dưới nước	Đục bê tông dưới nước, hiện trạng sử dụng tốt	4
4	Máy khoan dưới nước	Phục vụ khoan dưới nước, hiện trạng sử dụng tốt	4
5	Máy nén khí	Nén khí cao áp, phục vụ công tác lặn, khoan dưới nước	4
6	Máy quay dưới nước	Quay phim dưới nước phục vụ kiểm tra nghiệm thu, hiện trạng sử dụng tốt	1

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 11D Chương IV.

Ghi chú: (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Chủ đầu tư: Tổng công ty Phát điện 1; Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Điện thoại: 024 7308 9789. Đại diện chủ đầu tư (Bên mời thầu): Công ty Thủy điện Đồng Nai, 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 2478888; Fax: 0263.3726899.
E-ĐKC 1.6	Công trình bao gồm: Thi công xử lý tăng khả năng chống thấm mặt thượng lưu đập Đồng Nai 3 dưới mực nước chết 570m, giai đoạn 1. Địa điểm: Công trình Thủy điện Đồng Nai 3, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.
E-ĐKC 1.8	Địa điểm công trường tại: Công trình Thủy điện Đồng Nai 3, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông Được xác định trong bản vẽ số: 12.2021-ĐD-TL-XL.02
E-ĐKC 1.13	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Sau 112 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
E-ĐKC 1.14	Ngày khởi công là: là ngày bàn giao mặt bằng
E-ĐKC 1.15	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.24	Tư vấn giám sát là: -
E-ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Không yêu cầu
E-ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
E-ĐKC 5	Hình thức đảm bảo thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 22 Chương VIII) - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 6% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 20 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: -
E-ĐKC 7.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10 % giá hợp đồng.
E-ĐKC 7.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ Nhà thầu phụ phải có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện phần công việc của nhà thầu phụ thực hiện.
E-ĐKC 14	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...
E-ĐKC 15	Thông tin về Công trường là: Công trình thủy điện Đồng Nai 3, khu vực rừng núi, mật độ dân cư thưa thớt, hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi
E-ĐKC 18	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Khi đủ điều kiện bàn giao mặt bằng Tại nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3
E-ĐKC 21.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 22	- Ngày khởi công: là ngày bàn giao mặt bằng - Ngày hoàn thành dự kiến: Sau 112 ngày kể từ ngày khởi công
E-ĐKC 23.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày, từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 23.3	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết trong trường hợp bất khả kháng, lập lại tiến độ so với Bảng tiến độ thi công chi tiết trước đó: 07 ngày. - Bảng tiến độ thi công chi tiết bổ sung không làm suy giảm giá trị của Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. Các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Các hạng mục công việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng thì các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 5 % giá trị hợp đồng
E-ĐKC 24.3	Các trường hợp khác: Trong các trường hợp bất khả kháng nhà thầu không thực hiện kịp tiến độ hợp đồng
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 27.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 33	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
E-ĐKC 34.1	Giá hợp đồng: - VND
E-ĐKC 35	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 36.1	- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực và khi Bên B có văn bản đề nghị tạm ứng Hợp đồng, thư bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng tương ứng với giá trị nói trên. - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 10 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực và bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ sau: - Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B. - Bảo lãnh tạm ứng của 1 ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam (Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực cho đến khi Bên B hoàn trả đủ số tiền đã tạm ứng cho Bên A).
E-ĐKC 37.1	Phương thức thanh toán: Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%. Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng sau khi đã khấu trừ phần đã tạm ứng của bên B trong vòng 25 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng và bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ các chứng từ thanh toán bao gồm: + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B; + Hóa đơn tài chính hợp lệ; + Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng; + Biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. + Bảng tổng hợp giá trị quyết toán + Biên bản thanh lý Hợp đồng; + Bảo lãnh bảo hành công trình;
E-ĐKC 38	Điều chỉnh thuế: không được phép
E-ĐKC 39.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.
E-ĐKC 43.1	Mức phạt: Mức phạt chậm tiến độ: 0,5% (không phẩy hai phần trăm) giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, theo các mốc thi công được quy định trong bảng tiến độ, cho mỗi ngày vi phạm. - Tổng số tiền phạt do không hoàn thành hợp đồng theo tiến độ không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Phạt về chất lượng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình thì bên B sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của bên A và bị phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định về chậm tiến độ.
E-ĐKC 43.2	Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong Hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 43.3	Mức thưởng: Không áp dụng Tổng số tiền thưởng tối đa: Không áp dụng
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 47	Thời gian bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng

E-ĐKC 48.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: trong vòng 05 ngày kể từ ngày nghiệm thu bản giao đưa vào sử dụng
E-ĐKC 48.2	Số tiền giữ lại: 5% giá trị hợp đồng